ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 147 /2026/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày* 07 *tháng* 10 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học và tiêu chí đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3901/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2026 dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học và tiêu chí đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và kết quả lấy ý kiến của thành viên UBND thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học và tiêu chí đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học và tiêu chí đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&CN;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- UBMTTQ VN thành phố và các đoàn thể;
- Báo ĐN, Đài PTTH thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, KGVX, SKHCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

namct - 08/10/2026 10:33:19 - namct - namct - namct

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học và tiêu chí đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Quyết định số 147 /2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học và tiêu chí đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ban hành quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và điểm b khoản 1 Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Khoa học và Công nghệ; các thành viên Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học

1. Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận công khai và quyết định theo kết quả biểu quyết bằng Phiếu.

2. Các thành viên Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình trước Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học. Trường hợp ý kiến của thành viên không thống nhất với kết luận chung của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học, thành viên đó có quyền bảo lưu ý kiến và được ghi vào biên bản cuộc họp.

3. Các thành viên Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học phải đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; đồng thời phải giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ THẨM ĐỊNH, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

Điều 4. Tổ chức và hoạt động của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

1. Thành phần Tổ thẩm định

Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND.

Thành phần Tổ thẩm định gồm: Tổ trưởng là đại diện Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách lĩnh vực công nghệ và các thành viên là đại diện Lãnh đạo phòng chuyên môn, quản lý về tài chính, đại diện các phòng hoặc đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu cần thiết) và chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực của dự án đề nghị hỗ trợ, đại diện cơ quan quản lý có liên quan. Tổ thẩm định có Thư ký hành chính để phục vụ cho hoạt động của Tổ thẩm định.

2. Các cá nhân thuộc các trường hợp sau không được tham gia thành viên Tổ thẩm định

Cá nhân thuộc tổ chức đề nghị hỗ trợ, cá nhân thuộc tổ chức phối hợp thực hiện hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ; vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của cá nhân chủ trì và thành viên chính tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ; người có bằng chứng xung đột lợi ích với cá nhân chủ trì hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ hoặc tổ chức đề nghị hỗ trợ.

3. Phiên họp của Tổ thẩm định

Thư ký hành chính có trách nhiệm chuẩn bị và gửi tài liệu đến tất cả thành viên Tổ thẩm định trước phiên họp ít nhất 02 (hai) ngày làm việc.

Phiên họp của Tổ thẩm định được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Tổ thẩm định tham dự, trong đó có Tổ trưởng Tổ thẩm định.

4. Trình tự phiên họp của Tổ thẩm định

Thư ký hành chính giới thiệu thành phần Tổ thẩm định; báo cáo về điều kiện tổ chức phiên họp thẩm định (đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện) và chương trình phiên họp của Tổ thẩm định.

Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp.

Thành viên Tổ thẩm định có ý kiến, trao đổi, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ do đơn vị đề xuất theo Biểu mẫu M01 của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Tổ trưởng Tổ thẩm định thay mặt Tổ thẩm định kết luận phiên họp. Nội dung kết luận cần nêu rõ những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Thư ký hành chính tổng hợp phiếu nhận xét của các thành viên và dự thảo biên bản họp của Tổ thẩm định.

5. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

Tổ thẩm định có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ, xác định loại hình công nghệ được hỗ trợ theo Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND; kiểm tra thực tế tại đơn vị, nhận xét sơ bộ các nội dung báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ của dự án đổi mới, cải tiến công nghệ làm cơ sở trình Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Kết quả làm việc của Tổ thẩm định được lập thành Biên bản theo Biểu mẫu M02 của Phụ lục kèm theo Quyết định này và được các thành viên Tổ thẩm định thống nhất thông qua.

Điều 5. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

1. Thành phần Hội đồng khoa học

Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND.

Thành phần Hội đồng khoa học có từ 05 đến 09 thành viên, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch (nếu cần thiết) và các ủy viên Hội đồng. Thành viên của Hội đồng khoa học là các chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực của dự án đề nghị hỗ trợ, đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan. Hội đồng có Thư ký khoa học và Thư ký hành chính để phục vụ cho hoạt động của Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có) là chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực của dự án đề nghị hỗ trợ; có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trở lên; có uy tín, có hiểu biết về lĩnh vực nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ liên quan đến dự án đề nghị hỗ trợ.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Quy chế này không được tham gia Hội đồng khoa học.

3. Phiên họp của Hội đồng khoa học

Hồ sơ đề nghị xét hỗ trợ đổi mới công nghệ và biên bản thẩm định của Tổ thẩm định được Sở Khoa học và Công nghệ gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp ít nhất 03 (ba) ngày.

Hội đồng chỉ tiến hành họp khi bảo đảm các yêu cầu sau: Có biên bản thẩm định của Tổ thẩm định; phiên họp Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó chủ tịch được uỷ quyền). Hội đồng họp theo một trong các phương thức sau: Trực tiếp; trực tuyến; trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Thành viên Hội đồng khoa học tham gia góp ý và biểu quyết bằng phiếu nhận xét, đánh giá tại phiên họp theo Biểu mẫu M03 của Phụ lục kèm theo Quyết định này; chịu trách nhiệm về ý kiến tham gia và nội dung biểu quyết bằng phiếu nhận xét, đánh giá trước Hội đồng.

Thành phần tham dự phiên họp của Hội đồng: Thành viên Hội đồng, đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan do Sở Khoa học và Công nghệ mời trong

trường hợp cần thiết.

4. Trình tự phiên họp của Hội đồng khoa học

Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự; báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ và thực tế tại đơn vị (theo Biên bản Tổ thẩm định).

Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng (trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp).

Hội đồng trao đổi thống nhất nội dung làm việc của Hội đồng; đồng thời Hội đồng bầu một thành viên làm Thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận tại phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá dự án theo ý kiến kết luận tại phiên họp của Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá về các nội dung đổi mới công nghệ và các vấn đề liên quan đến dự án.

Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét, đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có).

Các thành viên Hội đồng nêu ý kiến trao đổi về các nội dung của dự án đổi mới công nghệ và nhận xét, đánh giá dự án.

Thư ký khoa học tổng hợp các phiếu nhận xét, đánh giá của các thành viên Hội đồng và lập Biên bản họp Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ theo Biểu mẫu M04 của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua Biên bản.

Đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến (nếu có).

Chủ trì kết luận phiên họp của Hội đồng.

5. Nhiệm vụ của Hội đồng khoa học

Nhận xét, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ; xác định rõ loại hình công nghệ được hỗ trợ theo Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND; xem xét đề xuất nội dung và mức hỗ trợ theo Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND.

6. Đề xuất kinh phí hỗ trợ

Hội đồng thống nhất thông qua đề xuất hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp đồng ý (trong đó có Chủ tịch Hội đồng). Mức kinh phí đề xuất hỗ trợ xem xét theo quy định tại Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND. Mức tỷ lệ phần trăm kinh phí đề xuất hỗ trợ của Hội đồng đề xuất được tính theo mức bình quân của các thành viên Hội đồng đề xuất,

trong đó mức chênh lệch tỷ lệ % của các thành viên Hội đồng không quá 20% so với mức đề nghị trung bình của Hội đồng. Trường hợp có thành viên Hội đồng đề nghị cao hơn hoặc thấp hơn 20% so với mức đề nghị trung bình của Hội đồng thì sẽ không được xem xét tổng hợp.

Giá trị của dự án đổi mới công nghệ được Hội đồng khoa học xác định trên cơ sở xem xét chứng thư thẩm định giá thiết bị công nghệ của đơn vị có chức năng thẩm định giá (nếu có), giá trị của hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo hóa đơn chứng từ và các hồ sơ khác có liên quan, hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có). Đối với trường hợp nghiên cứu phát triển công nghệ, giá trị dự án tính theo hồ sơ chứng minh chi phí thực hiện nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

Điều 6. Tiêu chí đánh giá liên quan về công nghệ, hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường trong xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

1. Tiêu chí đánh giá công nghệ, mức độ tiên tiến liên quan đến thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao và công nghệ chiến lược

a) Đối với thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao

Công nghệ thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành; được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu về tính mới, mức độ tiên tiến, hiệu năng vận hành theo Biểu mẫu M03 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Đối với thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ chiến lược

Công nghệ thuộc danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành; được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu về tính mới, mức độ tiên tiến, hiệu năng vận hành theo Biểu mẫu M03 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường

a) Hiệu quả kinh tế: Mức đóng góp vào doanh thu; Tăng năng suất lao động, giảm chi phí nguyên vật liệu, tối ưu hóa thời gian và nhân công; Khả năng tạo sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu hoặc mở rộng thị trường; Hiệu quả tài chính.

b) Hiệu quả xã hội: Tạo việc làm có thu nhập cao hơn và nâng cao trình độ tay nghề, năng lực làm chủ công nghệ cho người lao động; Cải thiện điều kiện làm việc; Tác động đến người tiêu dùng.

c) Hiệu quả môi trường: Giảm thiểu chất thải phát sinh, khả năng đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường hiện hành; Mức độ tiết kiệm năng lượng hoặc nguyên vật liệu đầu vào; Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn xanh, thân thiện với môi trường.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học có trách nhiệm thực hiện theo đúng Quy chế này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giúp Uỷ ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các thành viên Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để kịp thời tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

namct - 08/10/2026 10:33:19 - namct - namct - namct

Phụ lục

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 147/2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Biểu mẫu	Nội dung
Biểu mẫu M01	Phiếu nhận xét của Tổ thẩm định
Biểu mẫu M02	Biên bản họp Tổ thẩm định
Biểu mẫu M03	Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ
Biểu mẫu M04	Biên bản họp Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

namct - 08/10/2026 10:33:19 - namct - namct - namct

Biểu mẫu M01

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20…

PHIẾU NHẬN XÉT

1. Tên dự án: ……..……
2. Chủ đầu tư dự án: ……..……
3. Họ và tên người nhận xét: ……
4. Đơn vị công tác: ……..……
5. Ý kiến nhận xét: ……

a) Thành phần hồ sơ theo yêu cầu

……
……

b) Kiểm tra thực tế

……

c) Nhận xét sơ bộ các nội dung trong Dự án

- Về Thuyết minh dự án
- Về mặt công nghệ
- Về đặc điểm kỹ thuật của thiết bị công nghệ
- Về tính toán chi phí đầu tư thiết bị công nghệ
- Về hiệu quả kinh tế xã hội, môi trường của dự án

d) Giá trị dự án, kinh phí đề nghị hỗ trợ *(theo đề nghị của doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã):*

đ) Những vấn đề liên quan trong Dự án cần chỉnh sửa, bổ sung

6. Kết luận, đề xuất

Thành viên Tổ thẩm định

(Ký và ghi rõ họ tên)

namct - 08/10/2026 10:39:19 - namct - namct - namct

Biểu mẫu M02

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TỔ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20…

BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH

I. Thông tin chung:

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư dự án:

- Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã đề nghị hỗ trợ:

- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ:

3. Kinh phí thực hiện dự án và đề xuất hỗ trợ

4. Thời gian thực hiện dự án:

5. Thời gian và địa điểm họp

6. Thành phần tham dự họp

II. Nội dung kiểm tra, thẩm định hồ sơ

1. Kiểm tra, thẩm định hồ sơ dự án

STT	Thành phần hồ sơ theo yêu cầu	Hồ sơ do đơn vị cung cấp	Đánh giá
1	Đơn đề nghị hỗ trợ		
2	Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ kèm theo nội dung báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ		
3	Bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã		
4	Đối với trường hợp mua thiết bị công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ: Hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo; hóa đơn chứng từ có liên quan; Chứng thư thẩm định giá thiết bị công nghệ của đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định hiện hành đối với trường hợp mua thiết bị công nghệ. Trường hợp thiết bị công nghệ không thẩm định được giá bởi các đơn vị có chức năng; doanh nghiệp, tổ chức, hợp xác xã phải cung cấp văn bản từ chối thẩm định giá của ít		

	nhất 03 (ba) đơn vị có chức năng thẩm định giá; Hợp đồng chuyển giao công nghệ (trường hợp có hợp đồng chuyển giao công nghệ).		
5	Trường hợp hỗ trợ chi phí công nghiên cứu: Hồ sơ chứng minh chi phí thực hiện nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.		
6	Hồ sơ xác nhận nợ thuế, đóng bảo hiểm xã hội, chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường (văn bản xác nhận dưới 30 ngày trước thời điểm nộp hồ sơ)		
7	Bản sao chứng thực các giấy tờ khác (nếu có): Biên bản nghiệm thu, lắp đặt thiết bị; hồ sơ liên quan đến nhập khẩu máy móc, thiết bị; các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm; văn bản công nhận kết quả nghiên cứu của cơ quan có thẩm quyền và các hồ sơ khác có liên quan đến các điều kiện được ưu tiên.		

2. Kiểm tra thực tế

3. Nhận xét sơ bộ các nội dung trong Dự án

a) Về Thuyết minh dự án

b) Về mặt công nghệ

c) Về đặc điểm kỹ thuật của thiết bị công nghệ

d) Về tính toán chi phí đầu tư thiết bị công nghệ

đ) Về hiệu quả kinh tế xã hội, môi trường của dự án

4. Giá trị dự án, kinh phí đề nghị hỗ trợ (theo đề nghị của doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã):

5. Những vấn đề liên quan trong Dự án đổi mới công nghệ cần chỉnh sửa, bổ sung

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Biên bản này được lập thành 01 (một) bản đã được các thành viên Tổ thẩm định có mặt thông qua.

TỔ THẨM ĐỊNH

Tổ trưởng **Thư ký**

Thành viên

Biểu mẫu M03

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày ... tháng ..... năm 20…

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ: ……

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ: ……

3. Họ và tên thành viên Hội đồng: ……

Đơn vị công tác: .....

4. Ý kiến nhận xét, đánh giá:

4.1. Về thành phần hồ sơ:

.....

.....

4.2. Nội dung của dự án

a) Về cơ sở khoa học của dự án, tính khả thi của dự án

.....

b) Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (đối với dự án nghiên cứu)

.....

c) Đánh giá công nghệ: *(có thuộc danh mục công nghệ chiến lược, công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao; trình độ công nghệ so với công nghệ trong và ngoài nước; công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ xanh; mức độ tích hợp công nghệ số và tự động hóa; ưu và nhược điểm của công nghệ hoặc thiết bị công nghệ so với các sản phẩm cùng loại; hiệu năng vận hành cao hơn với thiết bị trước khi đổi mới công nghệ (tốc độ xử lý dữ liệu, độ ổn định, độ chính xác, năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát thải); khả năng tạo sản phẩm có chứng nhận đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia hoặc quốc tế; sản phẩm tạo ra có khả năng xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu…)*

.....

d) Quy trình thực hiện nghiên cứu công nghệ (đối với dự án nghiên cứu)

.....

namct - 08/10/2026 10:33:19 - namct - namct - namct

đ) Đặc điểm kỹ thuật của thiết bị công nghệ

.....

e) Hướng dẫn vận hành hoặc sử dụng thiết bị công nghệ

.....

g) Kết quả triển khai đổi mới công nghệ

.....

h) Sản phẩm, kết quả của dự án

.....

i) Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của dự án

- Hiệu quả kinh tế sau khi đổi mới công nghệ: (*Mức đóng góp vào doanh thu; Tăng năng suất lao động, giảm chi phí nguyên vật liệu, tối ưu hóa thời gian và nhân công; Khả năng tạo sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu hoặc mở rộng thị trường; Hiệu quả tài chính* (*thời gian hoàn vốn, biên độ lợi nhuận gia tăng nhờ công nghệ mới*).

.....

- Hiệu quả xã hội: (*Tạo việc làm có thu nhập cao hơn và nâng cao trình độ tay nghề, năng lực làm chủ công nghệ cho người lao động; Cải thiện điều kiện làm việc (giảm thiểu ô nhiễm, an toàn lao động); Tác động đến người tiêu dùng (chất lượng sản phẩm, giá thành sản phẩm phục vụ cộng đồng)*).

.....

- Hiệu quả môi trường: (*Giảm thiểu chất thải phát sinh, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường hiện hành; Mức độ tiết kiệm năng lượng hoặc nguyên vật liệu đầu vào; Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn xanh, thân thiện với môi trường*).

.....

k) Quy trình vận hành, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp (đối với dự án mua thiết bị công nghệ)

.....

l) Khả năng khắc phục các nhược điểm, tồn tại, hướng phát triển của dự án (đối với dự án nghiên cứu)

.....

m) Các nhận xét khác (nếu có)

.....

5. Giá trị dự án làm cơ sở để xem xét mức kinh phí hỗ trợ đổi mới công nghệ

Đề xuất giá trị dự án làm cơ sở để xét hỗ trợ như sau:

.....

6. Kết luận, đề xuất về nội dung đề nghị hỗ trợ

☐ Thống nhất đề nghị hỗ trợ cho dự án; không cần chỉnh sửa bổ sung nội dung hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

☐ Thống nhất đề nghị hỗ trợ cho dự án; cần chỉnh sửa bổ sung nội dung hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học.

☐ Không thống nhất hỗ trợ cho dự án.

- Lý do: ……...

7. Đề xuất mức hỗ trợ (trường hợp thống nhất đề nghị hỗ trợ)

- Mức % đề xuất hỗ trợ: .....

.....

- Kinh phí đề xuất hỗ trợ (Giá trị dự án * % mức tài trợ):

.....

Thành viên Hội đồng

namct - 08/10/2026 10:33:19 - namct - namct - namct

Biểu mẫu M04

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20..

BIÊN BẢN HỌP
Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

namct - 20/10/2026 10:35:19 - namct - namct - namct

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án:

2. Địa điểm họp:

3. Thời gian họp:

4. Thành phần tham dự

- Hội đồng khoa học: Các thành viên Hội đồng được thành lập theo Quyết định số …../QĐ-SKHCN ngày …/…/20… của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, gồm ….. thành viên do …….…….. làm Chủ tịch Hội đồng.

Số thành viên Hội đồng tham gia họp trên tổng số thành viên Hội đồng: …/… thành viên.

- Đại diện đơn vị đề xuất hỗ trợ:

- Sở Khoa học và Công nghệ

- Đại biểu (nếu có)

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự; báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ và thực tế tại đơn vị (theo Biên bản thẩm định).

2. Hội đồng trao đổi thống nhất nội dung làm việc của Hội đồng.

3. Hội đồng bầu ông/bà….. làm Thư ký khoa học.

4. Phần thảo luận của Hội đồng

Trên cơ sở xem xét, đánh giá hồ sơ dự án, báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế tại đơn vị (theo Biên bản thẩm định của Tổ thẩm định) và các văn bản có liên quan, Hội đồng đã trao đổi thảo luận và thống nhất đánh giá như sau:

4.1 Nhận xét, đánh giá của Hội đồng

a) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ

b) Cơ sở khoa học và tính khả thi của dự án

c) Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (đối với dự án nghiên cứu)

d) Quy trình thực hiện nghiên cứu công nghệ (đối với dự án nghiên cứu)

đ) Đánh giá công nghệ (*có thuộc danh mục công nghệ chiến lược, công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao; trình độ công nghệ so với công nghệ trong và ngoài nước; công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ xanh; mức độ tích hợp công nghệ số và tự động hóa; ưu và nhược điểm của công nghệ hoặc thiết bị công nghệ so với các sản phẩm cùng loại; hiệu năng vận hành cao hơn với thiết bị trước khi đổi mới công nghệ (tốc độ xử lý dữ liệu, độ ổn định, độ chính xác, năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát thải); khả năng tạo sản phẩm có chứng nhận đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia hoặc quốc tế; sản phẩm tạo ra có khả năng xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu…*).

e) Đặc điểm kỹ thuật của thiết bị công nghệ

g) Hướng dẫn vận hành hoặc sử dụng thiết bị công nghệ

h) Sản phẩm, kết quả của dự án

i) Kết quả thực hiện đổi mới công nghệ

k) Quy trình vận hành, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp (đối với dự án mua thiết bị công nghệ)

l) Khả năng khắc phục các nhược điểm, tồn tại, hướng phát triển của dự án (đối với dự án nghiên cứu)

m) Hiệu quả kinh tế xã hội, môi trường dự án

n) Xác định giá trị dự án

4.2. Những nội dung Hội đồng đề nghị bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện

5. Kết luận của Hội đồng

- Về việc đề xuất hỗ trợ:

- Về mức hỗ trợ:

Mức tỷ lệ % và kinh phí hỗ trợ được các thành viên Hội đồng khoa học đề xuất như sau:

STT	Thành viên Hội đồng	Giá trị dự án làm cơ sở để xem xét hỗ trợ (đồng)	Mức % đề nghị hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)
1				
2				
3				
4				
5				

6				
7				
Giá trị đề xuất trung bình				

(Bằng chữ: ……..)

Chi tiết phiếu nhận xét, đánh giá của các thành viên Hội đồng đính kèm theo Biên bản này.

Cuộc họp kết thúc vào lúc …..h….. cùng ngày. Biên bản này được lập thành 01 (một) bản, làm cơ sở để xem xét hỗ trợ dự án./.

THƯ KÝ KHOA HỌC **TM. HỘI ĐỒNG**
CHỦ TỊCH

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

namct - 08/10/2026 10:33:19 - namct - namct - namct